

## **Ảnh hưởng của việc thu hồi đất đến sinh kế của người dân tại hồ chứa Sông Than, tỉnh Ninh Thuận**

**Hoàng Hà Anh<sup>1</sup>, Lê Thị Trâm Anh<sup>2</sup>**

<sup>1</sup> Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh

<sup>2</sup> Phòng Tài nguyên và Môi trường, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận

Email: hoanghaanh@hcmuaf.edu.vn

Ngày nhận bài: 14/06/2023; Ngày sửa bài: 15/07/2023; Ngày duyệt đăng: 29/7/2023

### **Tóm tắt**

Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thông qua xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật địa phương, các công trình dân sinh kỹ thuật, khu công nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới. Tuy nhiên, vấn đề này cũng tác động trực tiếp đến đời sống, điều kiện kinh tế của người dân. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của việc thu hồi đất đến sinh kế của người dân tại dự án hồ chứa Sông Than, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận bằng cách xác định sự ảnh hưởng đến 05 nguồn lực sinh kế, chiến lược sinh kế và kết quả sinh kế, thông qua khảo sát trực tiếp 187 hộ dân. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tăng thu nhập của hộ sau thu hồi đất bằng mô hình hồi quy Binary Logistic. Kết quả nghiên cứu cho thấy: (1) Thu hồi đất làm giảm nguồn vốn tài nguyên thiên nhiên, tuy nhiên cải thiện nguồn vốn nhân lực, vật chất, vốn tài chính và vốn xã hội, (2) Phần lớn các hộ có tỷ lệ đất thu hồi cao thay đổi chiến lược sinh kế từ sản xuất nông nghiệp sang kinh doanh khác và ngành nghề phi nông nghiệp, tăng thu nhập so với trước khi thu hồi đất, (3) Các yếu tố ảnh hưởng sắp xếp theo thứ tự giảm dần đến tăng thu nhập của hộ sau thu hồi đất gồm: trình độ học vấn của chủ hộ, sử dụng tiền đền bù để đầu tư sản xuất kinh doanh, tuổi của chủ hộ, diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi, số lao động trong ngành nông nghiệp của hộ và nghề nghiệp của chủ hộ. Từ đó, nghiên cứu đưa ra các hàm ý chính sách nhằm đảm bảo sinh kế của người dân, cải thiện thu nhập sau thu hồi đất.

**Từ khóa:** cải thiện thu nhập nông thôn, sinh kế, thu hồi đất, hồ chứa Sông Than

### **Impacts of land acquisition on livelihoods of local residents in the Song Than reservoir, Ninh Thuan province**

**Hoang Ha Anh<sup>1</sup>, Le Thi Tram Anh<sup>2</sup>**

<sup>1</sup>Nong Lam University - Ho Chi Minh City

<sup>2</sup>Resources and Environmental office, Ninh Son District, Ninh Thuan Province

Received: 14/06/2023; Revised: 15/07/2023; Accepted: 29/7/2023

### **Abstract**

Land acquisition for socio-economic development for national and public benefits through the construction of local technical infrastructure, technical civil works, and industrial parks adapted to the development requirements of the nation in the new phase. By contrast, this policy also directly affects citizen's lives and economic conditions. This

*study was conducted to assess the impacts of land acquisition on the livelihood of people in the Song Than reservoir, Ninh Son district, Ninh Thuan province, by determining 05 livelihood resources, livelihood strategies, and livelihood outcomes that were affected with data from 187 households. Moreover, this research uses the Binary logistic regression model to analyze the factors influencing the income enhancement probability of households after land acquisition in this area. The research findings indicate that (1) Land acquisition reduces natural capital but improves human capital, physical capital, financial capital, and social capital; (2) The majority of households with a high proportion of acquired land change their livelihood strategies from agricultural production to other businesses and non-agricultural activities and get higher incomes after land acquisition; (3) The factors decreasing order ranking affect the income enhancement of households after land acquisition as follows: education level of household head, using compensation funds for investment in business production, age of household head, area of reclaimed agricultural land, number of agricultural laborers in the household and the occupation of the household head. Therefore, this study also provides policy implications to ensure residents' livelihoods and improve income after land acquisition.*

**Keywords:** income improvement, land acquisition, livelihoods, Song Than reservoir

JEL code: O40, R28, Q24, Q58

## 1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, Việt Nam đã triển khai nhiều dự án phục vụ cho lợi ích quốc gia, phát triển các khu công nghiệp, khu dân cư, phục vụ lợi ích công cộng. Việc thu hồi đất (THĐ) để giải phóng mặt bằng (GPMB), thực hiện dự án là mối quan tâm không chỉ của Nhà nước, chính quyền địa phương hay chủ đầu tư mà còn là của người sử dụng đất bị thu hồi. Nhiều năm qua, Nhà nước đã đầu tư nguồn ngân sách hằng năm cho THĐ phục vụ đầu tư trong và ngoài nước, đồng thời sửa đổi bổ sung các điều khoản trong Luật đất đai để phù hợp với thực tế nhằm điều chỉnh mối quan hệ pháp luật giữa chủ thể quản lý, sử dụng đất, trong đó công tác THĐ cũng được đề cập (Bộ Tài Nguyên và Môi Trường, 2017, 2020).

Dự án Hồ chứa Sông Than nằm trên địa bàn xã Hoà Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận do Ban quản lý dự án đầu tư xây

dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ đầu tư với quy mô dung tích trên 85 triệu m<sup>3</sup> nước, tổng mức đầu tư trên 1.000 tỷ đồng bằng nguồn vốn trái phiếu chính phủ giai đoạn 2018 - 2022, để đảm bảo phục vụ nước tưới cho 4.500 ha đất canh tác và cung cấp nước sinh hoạt cho 20.000 hộ dân vùng hạ lưu và khu vực phía Nam của tỉnh. Tuy nhiên, một số hộ dân chưa đồng thuận với phương án tạo sinh kế cho người dân sau khi bị THĐ, nhiều hộ gia đình sinh sống dựa vào nghề nông nhận diện được những khó khăn khi bị THĐ nông nghiệp về chuyển đổi việc làm và đầu tư sinh kế mới, không sẵn sàng bàn giao đất, dẫn đến công tác giải phóng mặt bằng vẫn chưa được hoàn tất. Do đó, việc đánh giá các tác động của việc THĐ tới sinh kế của người dân tại hồ chứa Sông Than, cũng như tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng tới việc tăng thu nhập của người dân địa phương sau THĐ là vấn đề cấp thiết để thúc đẩy quá

trình phát triển kinh tế nông thôn bền vững và ổn định đời sống người dân địa phương của khu vực hồ chứa Sông Than.

Các nghiên cứu trước đây trên thế giới và tại Việt Nam đã chứng minh mối quan hệ giữa THĐ với sinh kế nông thôn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thay đổi cơ cấu lao động và việc làm cũng như nhận định những yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ dân sau THĐ (Đình Phi Hồ và Huỳnh Sơn Vũ, 2011; Shen, 2012; Nguyễn Thị Hồng Hạnh và cộng sự, 2013; Lê Thanh Sơn và Trần Tiến Khai, 2016; Hồ Lương Xinh và cộng sự, 2017; Hồ Kiệt và cộng sự, 2017; Nguyễn Minh Thuận và cộng sự, 2018; Trần Hải Đăng, 2019).

Kế thừa lý thuyết và kết quả từ những nghiên cứu trước đây, nghiên cứu này được thực hiện nhằm: (1) Đánh giá sự ảnh hưởng của việc THĐ đến sinh kế của người dân tại dự án hồ chứa Sông Than, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận; (2) Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến thay đổi thu nhập của hộ sau khi THĐ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất những hàm ý chính sách nhằm đảm bảo sinh kế bền vững cho người dân và cải thiện thu nhập sau THĐ.

## 2. Cơ sở lý thuyết

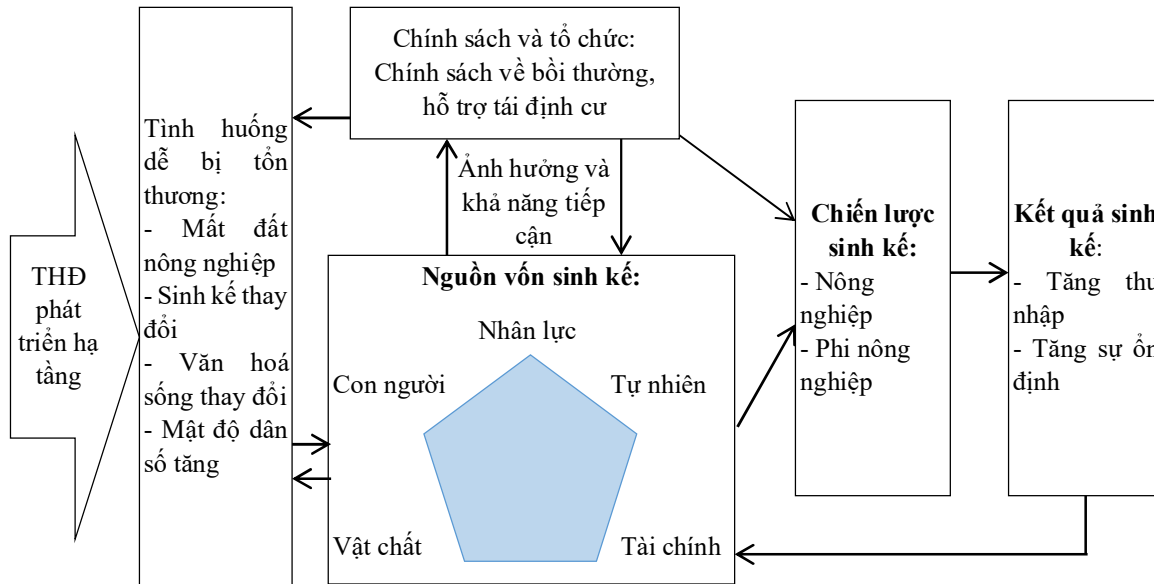
### 2.1. Phân tích sinh kế nông hộ

Theo Bộ Phát triển Quốc tế Anh (Department for International Development

- DFID) (1999) “*Một sinh kế có thể được miêu tả như là sự tập hợp các nguồn lực và khả năng con người có được kết hợp với những quyết định và hoạt động mà họ thực thi nhằm để kiếm sống cũng như để đạt được các mục tiêu và ước nguyện của họ*”.

*Phương pháp tiếp cận sinh kế* là một trong các phương pháp tiếp cận thường được sử dụng trong phát triển nông thôn không chỉ nhằm nâng cao mọi mặt đời sống hộ gia đình mà còn phát triển nông nghiệp, nông thôn theo xu hướng bền vững và hiệu quả. Nghiên cứu đi đầu về nội dung sinh kế có thể kể đến là của Chambers và Conway (1992). Từ đó, phương pháp tiếp cận sinh kế đã được phát triển và hoàn thiện ở các nước phát triển trên thế giới, dựa trên khuôn khổ cam kết hỗ trợ của Bộ Phát triển Quốc tế Anh (DFID) về “*Những chính sách và hành động cho việc xúc tiến các loại hình sinh kế bền vững*”.

*Khung sinh kế bền vững* được DFID phát triển, là một phương tiện hữu ích để phân tích và tư duy về sinh kế, giúp các tổ chức nghiên cứu và xác định, thiết kế các hoạt động hỗ trợ. Nghiên cứu phát triển khung sinh kế bền vững đối với thu hồi đất trên cơ sở khung sinh kế bền vững của Bộ Phát triển Quốc tế Anh (Hình 1).



**Hình 1.** Khung phân tích sinh kế do thu hồi đất (DFID, 1999)

*Sinh kế của hộ gia đình* hay của từng cá nhân mỗi người là tổng hòa của 05 nguồn vốn sau: (1) Nguồn vốn tự nhiên, gồm các điều kiện tự nhiên phục vụ đời sống con người; (2) Nguồn vốn nhân lực, đánh giá thông qua nhân khẩu, số lao động, độ tuổi của lao động, trình độ học vấn; (3) Nguồn vốn tài chính, thông qua các khoản tiền và cách sử dụng tài chính để phục vụ sinh kế, việc làm và thu nhập; (4) Nguồn vốn vật chất, thể hiện bằng các tiêu chí về điều kiện nhà ở, cơ sở hạ tầng và (5) Nguồn vốn xã hội đánh giá qua mối quan hệ với cộng đồng, điều kiện tiếp cận giáo dục đào tạo, các dịch vụ xã hội. Vậy đánh giá ảnh hưởng của thu hồi đất đến sinh kế các hộ dân có đất bị thu hồi là đánh giá ảnh hưởng của THĐ đến từng nguồn vốn sinh kế (Hanstad và cộng sự, 2004).

Các chỉ tiêu đánh giá 05 nguồn vốn sinh kế được áp dụng trong phân tích ảnh hưởng THĐ đến sinh kế người dân hồ chứa Sông Than như sau: Nguồn vốn tự nhiên (Tình hình sử dụng đất trước và sau THĐ); Nguồn vốn tài chính (tiền mua đất, xây nhà,

chi mua các vật dụng gia đình và cá nhân; tiền đầu tư cho việc học hành con cháu; có tiền gửi tiết kiệm; tiền đầu tư sản xuất kinh doanh); Nguồn vốn con người (Độ tuổi của chủ hộ, trình độ học vấn của chủ hộ, nghề nghiệp của chủ hộ, số lao động nghề nông của hộ); Nguồn vốn xã hội (Giáo dục - đào tạo; y tế và chăm sóc sức khỏe; thông tin liên lạc; văn hóa và giải trí; thương mại - tiêu dùng; an ninh trật tự); Nguồn vốn vật chất (Điều kiện về nhà ở; điều kiện sinh hoạt, giải trí; các phương tiện đi lại; điều kiện cơ sở hạ tầng như hệ thống giao thông, điện, cấp và thoát nước) (Shen, 2012; Nguyễn Thị Hồng Hạnh và cộng sự, 2013; Aigbokhan và Ola, 2015; Hồ Kiệt và cộng sự, 2017; Phan Thúc Định và Nguyễn Quang Tân, 2018; Lê Ngọc Phương Quý và Mai Thị Khánh Vân, 2021; Mabe và cộng sự, 2019; Nguyễn Thành Nghiệp Hưng và Bạch Thanh Trọng, 2020).

*Chiến lược sinh kế* của người dân bao gồm những quyết định và lựa chọn của họ về sự đầu tư và sự kết hợp các nguồn lực sinh kế nào với nhau, quy mô của các hoạt

động tạo thu nhập mà họ đang theo đuổi, quản lý như thế nào để bảo tồn được các nguồn lực sinh kế và thu nhập của họ; cách người dân thu thập và phát triển các kiến thức, kỹ năng cần thiết để kiếm sống, cách sử dụng thời gian và công sức, cách thức đối phó với rủi ro (Hanstad và cộng sự, 2004).

*Kết quả sinh kế* là kết quả đạt được sau khi thực hiện chiến lược sinh kế, kết quả sinh kế cần đạt được mục tiêu đảm bảo đời sống người dân, cải thiện chất lượng cuộc sống, tạo việc làm, tăng thu nhập và đảm bảo các yếu tố tiếp cận dịch vụ xã hội cho người dân (Hanstad và cộng sự, 2004).

## 2.2. Mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tăng thu nhập của hộ sau thu hồi đất

Nguyễn Minh Thuận và cộng sự (2018)

và Lê Thanh Sơn và Trần Tiến Khai (2016) đã sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ sau THĐ. Tuy nhiên, biến phụ thuộc là thu nhập sau THĐ chưa thể hiện được sự thay đổi thu nhập của hộ. Trong nghiên cứu này, biến phụ thuộc (1,0) tương ứng với khả năng tăng thu nhập hoặc không, do vậy mô hình hồi quy Binary Logistic phù hợp để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tăng thu nhập của hộ gia đình sau THĐ. Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu trước đây, sau khi loại bỏ các biến không phù hợp với đặc điểm của các hộ dân bị THĐ tại dự án hồ chứa Sông Than, 06 biến độc lập được đưa vào mô hình hồi quy, các biến được mã hóa, đo lường và thể hiện kỳ vọng dấu (Bảng 1).

**Bảng 1.** Các biến mô hình Binary Logistic

Ký hiệu	Tên biến	Đơn vị	Đo lường	Kỳ vọng dấu	Nguồn tham khảo
Y	Biến phụ thuộc Tăng thu nhập sau THĐ	Biến giả	Y=1: Thu nhập của hộ tăng sau THĐ Y=0: Thu nhập của hộ không tăng sau THĐ		Đình Phi Hồ và Huỳnh Sơn Vũ (2011)
X <sub>1</sub>	Tuổi của chủ hộ (TUOI)	Năm	Số năm	+	Hồ Lương Xinh và cộng sự (2017), Nguyễn Minh Thuận và cộng sự (2018)
X <sub>2</sub>	Trình độ học vấn của chủ hộ (HOCVAN)	Năm	Số năm đi học	+	Đình Phi Hồ và Huỳnh Sơn Vũ (2011); Lê Thanh Sơn và Trần Tiến Khai (2016), Hồ Lương Xinh và cộng sự (2017), Nguyễn Minh Thuận và cộng sự (2018)
X <sub>3</sub>	Số lao động trong ngành nông nghiệp (LAODONG)	Người	Số lao động làm nghề nông của hộ	-	Đình Phi Hồ và Huỳnh Sơn Vũ (2011), Nguyễn Minh Thuận và cộng sự (2018), Hồ

Ký hiệu	Tên biến	Đơn vị	Đo lường	Kỳ vọng dấu	Nguồn tham khảo
					Lương Xinh và cộng sự (2017)
X <sub>4</sub>	Nghề nghiệp của chủ hộ (NGHE)	Biến giả	X <sub>4</sub> =1: Chủ hộ làm nghề nông X <sub>4</sub> =0: Chủ hộ không làm nghề nông	-	Nguyễn Minh Thuận và cộng sự (2018)
X <sub>5</sub>	Diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (DTTH)	1.000 m <sup>2</sup>	Diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi của hộ	-	Đình Phi Hồ và Huỳnh Sơn Vũ (2011), Hồ Lương Xinh và cộng sự (2017)
X <sub>6</sub>	Sử dụng tiền đền bù đầu tư sản xuất, kinh doanh (SDTĐB)	Triệu đồng	Số tiền đền bù được sử dụng cho sản xuất, kinh doanh của hộ	+	Đình Phi Hồ và Huỳnh Sơn Vũ (2011), Lê Thanh Sơn và Trần Tiến Khai (2016), Hồ Lương Xinh và cộng sự (2017)

Hồ Lương Xinh và cộng sự (2017) và Nguyễn Minh Thuận và cộng sự (2018) cho thấy tuổi chủ hộ tương quan thuận với khả năng tăng thu nhập sau THĐ, chủ hộ có tuổi càng cao thì thường có nhiều kinh nghiệm, góp phần tăng thu nhập, ổn định cuộc sống của hộ sau THĐ.

Đình Phi Hồ và Huỳnh Sơn Vũ (2011), Lê Thanh Sơn và Trần Tiến Khai (2016), Hồ Lương Xinh và cộng sự (2017) và Nguyễn Minh Thuận và cộng sự (2018) cho rằng trình độ văn hóa của chủ hộ ảnh hưởng đến khả năng chuyển đổi nghề nghiệp và ảnh hưởng đến thu nhập của hộ. Do đó, chủ hộ có học vấn càng cao thì khả năng tăng thu nhập sau THĐ càng cao do tận dụng được số tiền bồi thường để đầu tư sản xuất, kinh doanh.

Hồ Lương Xinh và cộng sự (2018), Đình Phi Hồ và Huỳnh Sơn Vũ (2011), Nguyễn Minh Thuận và cộng sự (2018) chỉ ra rằng, hộ có lao động phi nông nghiệp lại

có khả năng cải thiện thu nhập sau THĐ cao hơn. Phần lớn lao động các hộ gia đình có đất bị thu hồi tại dự án làm nghề nông, dự án này nhằm phục vụ dân sinh, không tạo ra cơ hội việc làm mới trong khu vực THĐ, khả năng thay đổi công việc của người lao động bị hạn chế. Do vậy, nghiên cứu kỳ vọng số lao động làm nghề nông có quan hệ ngược chiều với khả năng tăng thu nhập sau THĐ.

Nghề nghiệp của chủ hộ có ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình sau THĐ (Nguyễn Minh Thuận và cộng sự, 2018). Thu nhập của hộ có chủ hộ không làm nghề nông ít phụ thuộc vào nguồn vốn tự nhiên là diện tích đất nông nghiệp so với hộ có chủ hộ làm nghề nông. Chính vì vậy, khả năng hộ có chủ hộ làm nghề nông tăng thu nhập sau THĐ thấp hơn so với chủ hộ làm nghề khác.

Theo Đình Phi Hồ và Huỳnh Sơn Vũ (2011), Hồ Lương Xinh và cộng sự (2018), diện tích đất bị thu hồi của hộ ảnh hưởng

ngược chiều đến khả năng tăng thu nhập của hộ. Bên cạnh đó, Nguyễn Minh Thuận và cộng sự (2018) cho thấy diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi bị thu hồi sẽ tác động đồng biến đến thu nhập của hộ sau THĐ. Phần lớn các hộ có kinh tế chủ lực là nông nghiệp, đất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Do đó, khi diện tích đất bị thu hồi tăng lên, diện tích còn lại giảm đi sẽ làm giảm thu nhập của hộ. Từ đó, nghiên cứu kỳ vọng diện tích đất bị thu hồi có mối quan hệ ngược chiều với khả năng tăng thu nhập sau THĐ.

Nhiều hộ gia đình sau khi nhận tiền đền bù sẽ sử dụng vào mục đích chi tiêu sinh hoạt cá nhân và gia đình như mua sắm các dụng cụ, thiết bị gia đình như ti vi, xe máy, điện thoại, ... mà không quan tâm đến việc đầu tư sản xuất, kinh doanh (Lê Thanh Sơn và Trần Tiến Khai, 2016). Mặt khác, các hộ sử dụng tiền đền bù vào mục đích đầu tư sản xuất, kinh doanh sẽ giúp hộ tăng thu nhập nhờ có nguồn vốn từ bồi thường (Đình Phi Hồ và Huỳnh Sơn Vũ, 2011). Nghiên cứu của Hồ Lương Xinh và cộng sự (2018) cũng chỉ ra mối tương quan dương giữa sử dụng tiền đền bù vào sản xuất kinh doanh và khả năng tăng thu nhập sau THĐ.

Mô hình hồi quy được thể hiện qua phương trình sau:

$$\ln[P(Y=1)/P(Y=0)] = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \beta_5 X_5 + \beta_6 X_6 \quad (1)$$

### 3. Phương pháp nghiên cứu

#### 3.1 Phương pháp thu thập dữ liệu

Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua khảo sát hộ dân bị THĐ tại dự án hồ chứa Sông Than, từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 06 năm 2022, trong đó, số liệu thu thập năm 2016 và 2021 tương ứng với thời điểm trước và sau THĐ do dự án được phê duyệt thực hiện từ năm 2017.

Mẫu được chọn theo phương pháp thuận tiện trong tổng số 445 hộ dân trong

vùng có ảnh hưởng từ thu hồi đất, cỡ mẫu tối thiểu xác định theo công thức của Yamane (1973):

$$n = \frac{N}{1+N(e)^2} \quad (2)$$

Với sai số cho phép 10%, độ tin cậy 90%, cỡ mẫu theo công thức là 82. Để đảm bảo độ tin cậy, nghiên cứu khảo sát 200 hộ có đất bị thu hồi. Sau khi loại bỏ 13 phiếu không đầy đủ thông tin, 187 phiếu khảo sát được sử dụng để phân tích.

Dữ liệu thứ cấp: Nghiên cứu sử dụng thông tin thứ cấp từ Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận và Phòng tài nguyên môi trường huyện Ninh Sơn về danh sách hộ dân bị thu hồi đất, giá bồi thường đất và tiến độ dự án.

#### 3.2 Phương pháp phân tích dữ liệu

Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để đánh giá ảnh hưởng của THĐ đến 05 nguồn vốn sinh kế bao gồm tỷ lệ thu hồi đất của các hộ, sự thay đổi về trình độ học vấn trước và sau thu hồi đất, tỷ lệ hộ dân sử dụng tiền đền bù tương ứng với các mục đích chi tiêu, ...

Đối với nguồn vốn vật chất và nguồn vốn xã hội: thang đo Likert 5 điểm được sử dụng để tính toán mức độ cảm nhận của hộ về nguồn vốn vật chất và nguồn vốn xã hội trước và sau khi THĐ. Sau đó, kiểm định T-test được áp dụng để kiểm định sự khác biệt giữa nguồn vốn vật chất và xã hội trước và sau THĐ.

Mô hình hồi quy Binary Logistic được sử dụng để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tăng thu nhập của hộ gia đình sau THĐ, phần mềm SPSS 20.0 được sử dụng để xử lý số liệu của mô hình hồi quy.

### 4. Kết quả và Thảo luận

#### 4.1. Dự án hồ chứa Sông Than

Dự án hồ chứa Sông Than tọa lạc tại xã Hoà Sơn, huyện Ninh Sơn với tổng diện tích cần thu hồi đất là 26,05 ha tương ứng 445

hộ có đất bị thu hồi, tổng số tiền bồi thường hỗ trợ khi THĐ 145,09 tỷ đồng. Dự án hồ chứa Sông Than được phê duyệt và thực hiện THĐ từ năm 2017 (Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, 2010).

Giá đất để tính bồi thường theo mục đích sử dụng hợp pháp được cơ quan Nhà

nước có thẩm quyền công nhận hoặc đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thời điểm có Quyết định THĐ. Đơn giá áp dụng cho giai đoạn 2015 - 2019 được Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt tại quyết định số 106/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 (Bảng 2).

**Bảng 2.** Giá đất nông nghiệp được bồi thường

	Đất trồng cây lâu năm và nuôi trồng thủy sản đồng/m <sup>2</sup>	Đất trồng lúa và cây hằng năm khác đồng/m <sup>2</sup>
Đất nông nghiệp vị trí mặt tiền đường	165.000	141.000
Đất nông nghiệp vị trí không tiếp giáp đường	110.000	94.000

(Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận, 2014)

Giá đất trên thị trường ngày càng tăng và huyện Ninh Sơn cũng không ngoại lệ. Tuy nhiên, việc Nhà nước áp dụng khung giá đất trong quá trình tính giá đất thu hồi khi thực hiện dự án hồ chứa Sông Than dẫn đến giá đất thấp hơn giá thị trường rất nhiều, đất ở vị trí 3 chỉ khoảng 0,6 triệu đồng/m<sup>2</sup>, trong khi giá thị trường khoảng 1,2 triệu đồng/m<sup>2</sup>.

### **3.2. Phân tích ảnh hưởng của thu hồi đất đến sinh kế của người dân tại hồ chứa Sông Than**

#### **3.2.1 Nguồn vốn sinh kế**

##### *3.2.1.1. Nguồn vốn tự nhiên*

Phần lớn các hộ có đất thu hồi cho dự án hồ chứa Sông Than đều có tỷ lệ đất bị thu hồi cao (123 hộ có tỷ lệ THĐ trên 75%, chiếm 55,81%; 34 hộ bị thu hồi từ 50-75%, chiếm 22,44%). Đất đai là nguồn vốn tự nhiên quan trọng trong sinh kế, là yếu tố đầu vào của sản xuất nông nghiệp. Do đó, tỷ lệ thu hồi ảnh hưởng đến nguồn vốn tự nhiên của hộ gia đình. Kết quả khảo sát cho thấy nguồn vốn tự nhiên của các hộ đã giảm đáng kể sau khi THĐ (Bảng 3).

**Bảng 3.** Tỷ lệ đất bị thu hồi trong dự án hồ chứa Sông Than

Tỷ lệ diện tích đất bị thu hồi	Số hộ (hộ)	Tỷ lệ (%)
Trên 75%	123	55,81
Từ 50% đến 75%	34	22,44
Từ 25% đến dưới 50%	21	13,8
Dưới 25%	9	7,95
Tổng	187	100

##### *3.2.1.2. Nguồn vốn nhân lực*

Trình độ học vấn của các hộ điều tra có sự thay đổi trước và sau khi THĐ. Có thể thấy rằng

sau khi THĐ, phần lớn các hộ có điều kiện tài chính từ số tiền nhận được đã đầu tư cho việc học hành và cải thiện chất lượng lao động.



Trong số 820 nhân khẩu của 187 hộ, sau khi THĐ, số lao động không biết chữ giảm 2 người, trình độ từ trung cấp cao đẳng tăng 9 người, trình độ đại học tăng 11 người (Bảng 4).

**Bảng 4.** Trình độ học vấn của các hộ dân năm 2016 và 2021

	Năm 2016 (người)	Năm 2021 (người)
Không biết chữ	11	13
Cấp 1	318	353
Cấp 2	185	213
Cấp 3	103	133
Trung cấp, cao đẳng	54	63
Đại học	34	45

### 3.2.1.3. Nguồn vốn tài chính

Phần lớn các hộ sử dụng tiền bồi thường, hỗ trợ với mục đích chi tiêu như xây dựng nhà ở, chi cho việc học hành của con em, mua sắm tiện nghi trong gia đình (78%), trong khi đó rất ít hộ sử dụng số tiền đền bù để tái đầu tư sản xuất nông nghiệp hay chuyển đổi nghề mới (18%) hoặc gửi tiết kiệm (4%). Do vậy, việc định hướng người dân sử dụng tiền đền bù cho việc tái thiết công việc mới là cần thiết, đảm bảo ổn định đời sống người dân.

### 3.2.1.4. Nguồn vốn vật chất

Mức độ cảm nhận của người dân về nguồn vốn vật chất được đo lường qua

thang đo Likert 5 điểm. Kết quả chỉ ra mức độ cảm nhận của người dân về nguồn vốn vật chất sau khi THĐ được cải thiện hơn so với trước THĐ. Trong đó, điều kiện về nhà ở được cải thiện khá lớn với 4,3 điểm sau khi THĐ so với 3,4 trước đây; tiếp theo là phương tiện đi lại đạt 4,2 điểm so với 2,8 điểm trước khi THĐ. Kết quả kiểm định T-test cho thấy sự khác biệt về nguồn vốn vật chất đối với điều kiện nhà ở, sinh hoạt, giải trí, các phương tiện đi lại, hệ thống giao thông, hệ thống điện cấp thoát nước tại thời điểm trước và sau khi THĐ có ý nghĩa thống kê với  $Sig < 0,05$  (Bảng 5).

**Bảng 5.** Đánh giá về nguồn vốn vật chất các hộ gia đình tại dự án hồ chứa Sông Than

Nguồn vốn vật chất	Năm 2016	Năm 2021	T-test (Sig.)
Điều kiện về nhà ở	3,4	4,3	0,000
Điều kiện sinh hoạt, giải trí	3,1	4,0	0,000
Các phương tiện đi lại	2,8	4,2	0,000
Hệ thống giao thông	3,5	3,6	0,005
Hệ thống điện	3,2	3,6	0,000
Hệ thống cấp và thoát nước	2,9	3,3	0,000

### 3.2.1.5. Nguồn vốn xã hội

Kết quả kiểm định T-test cho thấy sự

khác biệt có ý nghĩa thống kê đối với nguồn vốn xã hội trước và sau THĐ về điều kiện

tiếp cận với các dịch vụ xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế và chăm sóc sức khỏe, thông tin liên lạc, văn hoá và giải trí, thương mại và tiêu dùng, an ninh trật tự. Trong đó, cải thiện lớn nhất là điều kiện tiếp cận với các

dịch vụ xã hội (4,0 điểm so với 3,4 điểm trước thu hồi), tiếp theo là y tế và chăm sóc sức khỏe (3,8 điểm so với 3,2 điểm trước thu hồi). Tuy nhiên, vấn đề an ninh - trật tự bị đánh giá thấp hơn sau THĐ (Bảng 6).

**Bảng 6.** Đánh giá về nguồn vốn xã hội các hộ gia đình tại dự án hồ chứa Sông Than

Nguồn vốn xã hội	Trước khi THĐ	Sau khi THĐ	T-test
Điều kiện tiếp cận với các dịch vụ xã hội	3,4	4,0	0,000
Giáo dục - đào tạo	3,6	3,7	0,000
Y tế và chăm sóc sức khỏe	3,2	3,8	0,000
Thông tin liên lạc	3,5	3,6	0,035
Văn hóa và giải trí	3,6	3,0	0,000
Thương mại - tiêu dùng	3,0	3,6	0,000
An ninh trật tự	3,2	2,6	0,000

### 3.2.2. Chiến lược sinh kế

Phần lớn các hộ có tỷ lệ THĐ cao từ 50-75% và trên 75% chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang tự doanh - buôn bán, làm

thuê phi nông nghiệp và sinh kế khác. Trong khi đó, các hộ có tỷ lệ THĐ dưới 25% và dưới 50% vẫn tiếp tục lựa chọn sản xuất nông nghiệp (Bảng 7).

**Bảng 7.** Thay đổi về chiến lược sinh kế của hộ gia đình sau khi thu hồi đất

Tỷ lệ THĐ	ĐVT	Chiến lược sinh kế			Tổng (hộ)		
		Sản xuất nông nghiệp	Tự doanh - buôn bán	Làm thuê phi nông nghiệp		Sinh kế khác	
Trên 75%	Năm 2016	hộ	123	-	-	-	123
	Năm 2021	hộ	-	37	74	12	123
	Tăng/giảm	hộ	-123	37	74	12	0
Từ 50% đến 75%	Năm 2016	hộ	34	-	-	-	34
	Năm 2021	hộ	4	10	15	5	34
	Tăng/giảm	hộ	-30	10	15	5	0
Từ 25% đến dưới 50%	Năm 2016	hộ	21	-	-	-	21
	Năm 2021	hộ	10	4	5	2	21
	Tăng/giảm	hộ	-11	10	5	2	0
Dưới 25%	Năm 2016	hộ	9	-	-	-	9
	Năm 2021	hộ	8	1	-	-	9

Tỷ lệ THĐ	ĐVT	Sản xuất nông nghiệp	Chiến lược sinh kế			Sinh kế khác	Tổng (hộ)
			Tự doanh - buôn bán	Làm thuê phi nông nghiệp			
Tăng/giảm	hộ	-1	1	0	0	0	

### 3.2.3. Kết quả sinh kế

Bằng việc so sánh sự đánh giá của hộ về thu nhập của trước và sau khi THĐ, kết quả cho thấy các hộ có tỷ lệ đất thu hồi cao trên 75% là những hộ có thu nhập năm 2021 cao hơn năm 2016. Ngược lại, nhóm có tỷ lệ THĐ từ 50-75%, dưới 50%, và dưới 25% có thu nhập năm 2021 thấp hơn 2016 (Bảng 8). Có thể thấy THĐ hiện

đang có tác động tích cực tới các hộ có tỷ lệ thu hồi đất cao trên 75% trong việc cải thiện thu nhập của gia đình. Điều này có thể xuất phát từ sự thích ứng và thay đổi chiến lược sinh kế sau THĐ từ sản xuất nông nghiệp chủ yếu sang các ngành nghề sản xuất kinh doanh khác nhau. Trong khi đó, các hộ còn lại thể hiện sự giảm sút về thu nhập sau THĐ.

**Bảng 8.** Đánh giá về thu nhập của hộ gia đình trước và sau khi thu hồi đất

	Năm 2016	Năm 2021
Thu hồi trên 75%	2,56	2,77
Thu hồi từ 50% đến 75%	2,74	2,32
Thu hồi từ 25% đến dưới 50%	2,81	2,24
Thu hồi dưới 25%	3	2,11

Như vậy, THĐ để thực hiện dự án hồ chứa Sông Than đã ảnh hưởng đến nguồn sinh kế, trong đó làm giảm nguồn vốn tự nhiên, cải thiện nguồn vốn nhân lực, vốn tài chính và vốn xã hội. Bên cạnh đó, THĐ cũng đã tạo ra sự thay đổi chiến lược sinh kế đối với nhóm có tỷ lệ đất thu hồi từ 50-75%, trên 75% và cải thiện kết quả sinh kế đối với nhóm có tỷ lệ đất thu hồi trên 75%.

Để đảm bảo sinh kế cho các hộ dân bị THĐ và cân bằng với định hướng phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ đời sống dân sinh của tỉnh Ninh Thuận, cần phải đảm bảo nguồn vốn sinh kế cho người dân bị ảnh hưởng bằng các phương án tư vấn, hỗ trợ cho các hộ. Từ góc độ nguồn vốn tài chính, cần đưa ra các phương án sản xuất kinh doanh, hỗ trợ các thủ tục cần thiết để các hộ chuyển

đổi mô hình kinh doanh, khuyến khích tái đầu tư để tạo ra nguồn vốn tài chính bền vững. Từ góc độ nguồn vốn xã hội, cần xây dựng và ổn định đời sống văn hoá giải trí và an ninh trật tự tại khu vực. Từ góc độ kết quả sinh kế, những chính sách hỗ trợ và mức hỗ trợ cần được điều chỉnh để phù hợp hơn với những tổn thất do thay đổi nghề nghiệp của các hộ.

### 3.3. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người dân sau khi THĐ

Kết quả kiểm định Omnibus cho kết quả Model Sig. = 0,000 < 0,01, như vậy mô hình tổng quát cho thấy biến độc lập và biến phụ thuộc tương quan có ý nghĩa với khoảng tin cậy 99% trở lên, mô hình Binary logistic phù hợp với dữ liệu thực tế. Thuộc đo  $R^2 = 86\%$  cho biết 86% thay đổi của biến

phụ thuộc được giải thích bởi các biến độc lập của mô hình.

Trong 187 hộ bị THĐ tại dự án, có 114 hộ không tăng thu nhập, 73 hộ tăng thu nhập. Mô hình dự đoán 108 trong số 114 hộ

không tăng thu nhập, tỷ lệ dự đoán đúng là 94,7%. Mô hình dự đoán đúng 67 trong số 73 hộ tăng thu nhập, tỷ lệ dự đoán đúng là 91,8%. Tỷ lệ dự báo đúng chung của mô hình là 93,6% (Bảng 9).

**Bảng 9.** Kết quả dự báo của mô hình

Quan sát	Mô hình	Dự đoán		Tỷ lệ phần trăm đúng (%)
		Không tăng thu nhập sau THĐ	Tăng thu nhập sau THĐ	
		Không tăng thu nhập sau THĐ	108	
Tăng thu nhập sau THĐ	6	67	91,8	
Tỷ lệ % tổng thể				93,6

### 3.3.1 Kiểm định ý nghĩa của hệ số hồi quy

Kiểm định Wald cho thấy 6 biến độc lập đều tương quan có ý nghĩa thống kê với biến phụ thuộc (Sig < 0,05) (Bảng 10).

Biến  $X_1$  (TUOI) có  $\beta = -0,075$  cho thấy mối quan hệ nghịch biến giữa tuổi của chủ hộ với thu nhập sau THĐ, tuổi chủ hộ càng cao thì khả năng cải thiện kết quả sinh kế sau THĐ càng thấp. Các hộ dân bị THĐ sống chủ yếu bằng nghề nông, dự án hồ chứa Sông Than nhằm phục vụ dân sinh, không tạo ra sự chuyển đổi nghề nghiệp. Vì vậy, chủ hộ có độ tuổi càng lớn sẽ gặp khó khăn trong vấn đề chuyển đổi sinh kế, cải thiện thu nhập sau THĐ. Kết quả này ngược lại với công bố của (Hồ Lương Xinh và cộng sự 2017; Nguyễn Minh Thuận và cộng sự, 2018).

Biến  $X_2$  (HOCVAN) có  $\beta = 0,398$  cho thấy mối quan hệ cùng chiều giữa trình độ học vấn của chủ hộ với khả năng cải thiện thu nhập sau THĐ. Kết quả này tương tự với các nghiên cứu trước đây (Đinh Phi Hồ và Huỳnh Sơn Vũ, 2011; Lê Thanh Sơn và Trần Tiến Khai, 2016; Hồ Lương Xinh và

cộng sự, 2017).

Biến  $X_3$  (LAODONG) có  $\beta = -1,829$  thể hiện mối quan hệ nghịch biến giữa số lao động trong ngành nông nghiệp của hộ với khả năng cải thiện kết quả sinh kế sau thu THĐ, tương đồng với (Nguyễn Minh Thuận và cộng sự, 2018; Đinh Phi Hồ và Huỳnh Sơn Vũ, 2011) nhưng khác biệt với kết quả của (Hồ Lương Xinh và cộng sự, 2017). Sự khác biệt này đến từ đặc điểm của mẫu khảo sát, đối với các hộ bị THĐ tại dự án hồ chứa Sông Than, số lượng lao động trong nghề nông chiếm đa số, do đó việc THĐ sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập, trong khi đó đối tượng khảo sát của các nghiên cứu còn lại được phân bố vào các ngành nghề khác nhau.

Biến  $X_4$  (NGHE) có  $\beta = -3,289$  cho thấy khi chủ hộ làm nghề nông thì khả năng cải thiện thu nhập giảm đi. Như vậy, kết quả này tương đồng với nghiên cứu trước đây (Nguyễn Minh Thuận và cộng sự, 2018).

Biến  $X_5$  (DTTH) có  $\beta = -0,368$ , diện tích đất bị thu hồi có quan hệ nghịch biến

với khả năng cải thiện thu nhập sau THĐ. Kết quả này tương tự với nghiên cứu của (Đình Phi Hồ và Huỳnh Sơn Vũ 2011; Hồ Lương Xinh và cộng sự, 2017). Bên cạnh đó, khi DTTH tăng, diện tích đất còn lại giảm, đồng thời thu nhập sau THĐ cũng giảm, tương tự với nghiên cứu của (Nguyễn Minh Thuận và cộng sự, 2018). Các hộ dân bị THĐ trong dự án sinh sống chủ yếu bằng nghề nông, đồng thời chưa có chiến lược thay đổi sinh kế kịp thời, việc THĐ làm giảm nguồn lực tự nhiên, từ đó ảnh hưởng

tiêu cực đến khả năng cải thiện thu nhập của hộ có DTTH lớn và các hộ có chủ hộ làm nghề nông.

Cuối cùng, biến  $X_6$  (SDTĐB) có  $\beta = 0,149$  cho thấy khi số tiền đền bù giải phóng mặt bằng được các hộ tái đầu tư cho sản xuất, kinh doanh càng cao thì khả năng cải thiện thu nhập của hộ càng cao. Điều này tương tự với các công bố trước đây của Đình Phi Hồ và Huỳnh Sơn Vũ (2011); Hồ Lương Xinh và cộng sự (2017); Nguyễn Minh Thuận và cộng sự (2018).

**Bảng 10.** Kết quả phân tích hồi quy

STT	Yếu tố	Hệ số $\beta$	S.E	Sig.	Exp ( $\beta$ )
1	TUOI	-0,075	0,029	0,010	0,928
2	HOCVAN	0,398	0,148	0,007	1,488
3	LAODONG	-1,829	0,528	0,001	0,161
4	NGHE	-3,289	0,693	0,000	0,037
5	DTTH	-0,368	0,131	0,005	0,692
6	SDTĐB	0,149	0,062	0,016	1,161
	Hằng số	5,237	1,804	0,004	188,157

### 3.3.2. Tác động biên của các yếu tố đến kết quả sinh kế của các hộ bị THĐ tại dự án hồ chứa Sông Than

Theo Agresti và Franklin (2007), để xác định tác động của các biến độc lập lên biến phụ thuộc trong mô hình Binary logistic, đặt  $P_0 = 10\%$  là xác suất ban đầu. Dưới tác động của biến phụ thuộc  $i$ , xác suất khả năng tăng thu nhập sau THĐ là  $P_i$  (2018)

$$P_i = \frac{P_0 * e^B}{1 - P_0 (1 - e^B)} \quad (3)$$

Với  $P_0 = 10\%$ , kết quả phân tích tác động biên cho thấy mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tăng thu nhập của hộ sau THĐ được sắp theo mức độ giảm dần với Trình độ học vấn của chủ hộ

(HOCVAN), sử dụng tiền đền bù đầu tư sản xuất kinh doanh (SDTĐB), tuổi của chủ hộ (TUOI), diện tích đất thu hồi (DTTH), số lao động trong ngành nông nghiệp của hộ (LAODONG) và nghề nghiệp của chủ hộ (NGHE) (Bảng 11).

Biến  $X_2$  (HOCVAN) tác động lớn nhất đến khả năng tăng thu nhập sau THĐ. Nếu học vấn của chủ hộ tăng thêm 1 lớp thì khả năng tăng thu nhập sau THĐ tăng thêm 4,19%. Do vậy, đối với các chủ hộ có trình độ thấp, cần hỗ trợ để các chủ hộ trẻ tuổi tham gia các khóa đào tạo nghề. Mặt khác, đối với chủ hộ có độ tuổi cao và trình độ thấp cần cần nhắc tăng mức bồi thường hơn so với hộ khác, đồng thời hỗ trợ cho chủ hộ tiếp tục canh tác nông nghiệp. Bên cạnh đó, cần tạo điều kiện

để chủ hộ nâng cao trình độ học vấn.

Biến  $X_6$  (SDTĐB) có mức tác động thứ hai đến khả năng tăng thu nhập sau THĐ. Khi số tiền đền bù được đầu tư vào sản xuất kinh doanh tăng thêm 1 triệu đồng thì khả năng tăng thu nhập tăng thêm 1,43%. Kết quả này cho thấy sự cần thiết của việc hướng dẫn người dân nhận tiền bồi thường và sử dụng tiền bồi thường đúng cách nhằm đảm bảo sinh kế bền vững.

Biến  $X_1$  (TUOI) có mức tác động thứ 3 đến khả năng tăng thu nhập sau THĐ, Tuổi của chủ hộ tăng thêm 1 tuổi thì khả năng hộ tăng thu nhập của hộ sau THĐ giảm 0,65%. Địa phương cần thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ chủ hộ cao tuổi có đất thu hồi tiếp tục canh tác nông nghiệp như hỗ trợ về tiếp cận quỹ đất nông nghiệp, hỗ trợ vốn, kỹ thuật và giống.

Biến  $X_5$  (DTTH) có mức tác động thứ tư đến khả năng tăng thu nhập sau THĐ. Diện tích đất nông nghiệp thu tăng thêm 1.000 m<sup>2</sup> thì khả năng tăng thu nhập giảm 2,86%. Huyện Ninh Sơn cần đẩy mạnh công tác chuyển đổi việc làm cho hộ có diện

tích THĐ nông nghiệp lớn, mặt khác tạo điều kiện để nông hộ có đất nông nghiệp thu hồi lớn tiếp cận quỹ đất nông nghiệp mới và tiếp tục sản xuất nông nghiệp.

Biến  $X_3$  (LAODONG) có mức tác động thứ năm đến khả năng tăng thu nhập sau THĐ. Số lao động trong gia đình làm nông nghiệp tăng thêm 1 thì khả năng tăng thu nhập giảm 8,24%. Vì vậy, huyện Ninh Sơn cần có chính sách hỗ trợ chuyển đổi việc làm đối với các hộ có số lao động ngành nông nghiệp cao, có chính sách ưu tiên trong tuyển dụng lao động khi ứng tuyển làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn.

Biến  $X_4$  (NGHE) có mức tác động nhỏ nhất đến khả năng tăng thu nhập của hộ sau THĐ. Nghiên cứu cho thấy khi chủ hộ làm nghề nông, khả năng tăng thu nhập của hộ giảm 9,59%. Đối với hộ gia đình có đất thu hồi mà chủ hộ nghề nông cần quan tâm đến việc tái sản xuất nông nghiệp cho hộ như việc bồi thường bằng đất nông nghiệp cho hộ, mặt khác có chính sách ưu đãi, hỗ trợ về vay vốn, kỹ thuật và giống để hộ tiếp tục canh tác, sản xuất nông nghiệp.

**Bảng 11.** Tác động biên của các yếu tố

Biến độc lập	$\beta_k$	$e^{\beta_k}$	Tác động biên (%)	Thứ tự tác động
TUOI	-0,075	0,928	- 0,65	3
HOCVAN	0,398	1,488	4,19	1
LAODONG	-1,829	0,161	- 8,24	5
NGHE	-3,289	0,037	-9,59	6
DTTH	-0,368	0,692	-2,86	4
SDTĐB	0,149	1,161	1,43	2

#### 4. Kết luận

Thông qua khảo sát 187 hộ có đất bị thu hồi tại dự án hồ chứa Sông Than, Ninh Thuận, nghiên cứu cho thấy việc THĐ của dự án đã làm giảm nguồn vốn tự nhiên của

các hộ, tuy nhiên giúp cải thiện được nguồn vốn nhân lực, vật chất, vốn tài chính và vốn xã hội. Ngoài ra, các hộ có diện tích đất thu hồi từ 50-75% và trên 75% đã thay đổi sinh kế từ sản xuất nông nghiệp sang kinh doanh

tự doanh phi nông nghiệp. Kết quả sinh kế được cải thiện đối với các hộ có đất bị thu hồi trên 75%. Bên cạnh đó, mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tăng thu nhập của hộ sau THĐ được sắp theo mức độ giảm dần với yếu tố trình độ học vấn của chủ hộ, sử dụng tiền đền bù đầu tư sản xuất, kinh doanh, tuổi của chủ hộ, diện tích đất nông nghiệp thu hồi, số lao động trong ngành nông nghiệp của hộ và nghề nghiệp của chủ hộ.

### Đạo đức công bố

Tác giả đảm bảo các chuẩn mực chung về đạo đức nghiên cứu và công bố khoa học.

### Tài liệu tham khảo

- Agresti, A., and Franklin, C. (2007). *The art and science of learning from data*. Upper Saddle River, New Jersey, Pearson Prentice Hall.
- Aigbokhan, B. E., and Ola, K. O. (2015). Foreign Land Acquisitions: Household Livelihood with Some Evidence on Nigeria. In E. Osabuohien (Ed.), *Handbook of Research on In-Country Determinants and Implications of Foreign Land Acquisitions* (pp. 287-305). IGI Global. <https://doi.org/10.4018/978-1-4666-7405-9.ch014>
- Bộ Tài Nguyên và Môi Trường (2017). *Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT: Quy định chi tiết nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư thi hành Luật đất đai*.
- Bộ Tài Nguyên và Môi Trường (2020). *Đánh giá kết quả công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*.
- Chambers, R., and Conway, G. (1992). *Sustainable rural livelihoods: practical concepts for the 21st century*. Institute of Development Studies (UK) Discussion Paper 296, Brighton.
- DFID (1999). *Sustainable livelihoods guidance sheets*. Department for International Development (DFID). Department for International Development, <http://www.livelihoodscentre.org/documents/20720/100145/Sustainable+livelihoods+guidance+sheets/8f35b59f-8207-43fc-8b99-df75d3000e86>.
- Đinh Phi Hồ và Huỳnh Sơn Vũ (2011). Sự thay đổi về thu nhập của người dân sau thu hồi đất để xây dựng khu công nghiệp: Các yếu tố ảnh hưởng và gợi ý chính sách. *Tạp chí phát triển kinh tế*, 249: 35-41.
- Hanstad, T., Nielsen, R., and Brown, J. (2004). *Land and Livelihoods: Making Land Rights Real for India's Rural Poor*. Working Paper, Rural Development Institute (RDI), USA.
- Hồ Kiệt, Trần Văn Hòa và Hồ Nhật Linh (2017). Ảnh Hưởng Của Giải Phóng Mặt Bằng Đến Sinh Kế Của Người Dân Bị Thu Hồi Đất Tại Khu Kinh Tế Nhơn Hội, Thành Phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, 126(3C): 195-205. <https://doi.org/10.26459/hueuni-jard.v126i3C.3831>.
- Hồ Lương Xinh, Nguyễn Thị Yên, Nguyễn Thị Giang, Lưu Thị Thùy Linh, Bùi Thị Thanh Tâm và Nguyễn Mạnh Thắng (2017). Xác Suất Cải Thiện Thu Nhập Của Hộ Nông Dân Sau Thu Hồi Đất Nông Nghiệp Tại Các Khu Công Nghiệp Tỉnh Thái Nguyên. *Tạp chí Khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên*, 172(12/2): 149-154.
- Mabe, F. N., Nashiru, S., Mummuni, E., and Boateng, V. F. (2019). The nexus between land acquisition and

- household livelihoods in the Northern region of Ghana. *Land use policy*, 85: 357-367.  
<https://doi.org/10.1016/j.landusepol.2019.03.043>
- Lê Ngọc Phương Quý và Mai Thị Khánh Vân (2021). Tác Động Của Việc Thu Hồi Đất Nông Nghiệp Đến Sinh Kế Người Dân Tại Dự Án Khu Đô Thị Cầu Dầu, Xã Trảng Sơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An. *Tạp chí Khoa học và công nghệ nông nghiệp Trường Đại học Nông Lâm Huế*, 5(1): 2179-2188.  
<https://doi.org/10.46826/luaf-jasat.v5n1y2021.408>
- Lê Thanh Sơn và Trần Tiến Khai (2016). Tác động của việc thu hồi đất vùng nông thôn đến thu nhập người dân huyện Vĩnh Thạnh-thành phố Cần Thơ: Trường hợp dự án khu dân cư vượt lũ Thạnh Mỹ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 42: 66-77.
- Nguyễn Thành Nghiệp Hưng và Bạch Thanh Trọng (2020). Tác Động Của Việc Thu Hồi Đất Cho Mục Đích Phát Triển Công Nghiệp Đến Sinh Kế Người Dân Trên Địa Bàn Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. *Tạp chí Khoa học và công nghệ nông nghiệp Trường Đại học Nông Lâm Huế*, 4(2): 1851-1860. <https://doi.org/10.46826/luaf-jasat.v4n2y2020.437>
- Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Nguyễn Thanh Trà và Hồ Thị Lam Trà (2013). Ảnh hưởng của việc thu hồi đất nông nghiệp đến đời sống, việc làm của nông dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. *Tạp chí Khoa học và Phát triển*, 11(1): 59-67.
- Nguyễn Minh Thuận, Dương Ngọc Thành và Nguyễn Thành Nghiệp (2018). Yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ dân sau thu hồi đất xây dựng khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Long. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, 54(4B): 80-90.  
<https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2018.073>
- Phan Thúc Định và Nguyễn Quang Tân (2018). Ảnh hưởng của việc thu hồi đất để xây dựng khu du lịch sinh thái đến sinh kế của các hộ sản xuất nông-nghu nghiệp ven biển: trường hợp nghiên cứu tại xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. *Tạp chí Khoa học và công nghệ nông nghiệp Trường Đại học Nông Lâm Huế*, 2(2): 651-662.  
<https://doi.org/10.46826/luaf-jasat.v2n2y2018.151>
- Shen, J. (2012). *Livelihoods and sustainable pathways of land lost farmers in China: A study on Xingwen County*. Thesis, Portugal, ISCTE-Instituto Universitario de Lisboa.
- Trần Hải Đăng (2019). *Sinh kế của người dân, bị thu hồi đất thuộc Khu D, Khu Đô thị Cửa ngõ Đông Bắc, phường Tân Thành, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau*. Luận văn Thạc sỹ, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (2010). Quyết định số 971/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Hồ chứa nước Sông Than, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận (2014). *Quyết định 106/2014/QĐ -UBND - Ban hành bảng giá các loại đất kỳ 2015 - 2019 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận*.
- Yamane, T. (1973). *Statistics: an introductory analysis* (3<sup>rd</sup> ed). New York, Harper and Row